

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH CHƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số : 134/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2019

V/v tranh chấp: " Hôn nhân và gia đình"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa; Ông **Nguyễn Trọng Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phi Yến và ông Phan Duy Tính

- Thư ký phiên tòa: Ông; Nguyễn Xuân Tráng

Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa: Bà;
Trần Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST- HNGĐ ngày 16/4/2019, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXX-ST, ngày 12/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị; Trần Thị D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khối 11, Thị trấn TC, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Anh; Trần Văn T, sinh năm 1976

Địa chỉ: Xóm Giang Thủy, xã TG, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị D, trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị D kết hôn với anh Trần Văn T vào ngày 18/3/2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn TC, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống và làm ăn tại nhà nội ở xóm Giang Thủy, xã TG, huyện Thanh Chương. Sau khi cưới vợ chồng sống tình cảm bình thường, cho đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu

thuần là do tính tính không hợp nhau, hay cãi nhau, không có tiếng nói chung, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, anh Thìn rượu chè, đến giữa năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng, nên chị đã về ngoại sống và ly thân từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nguyện vọng xin được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thị Tr, sinh ngày 19/01/2006. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn chị về bên ngoại, nên con do anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay cháu đang học lớp 7 Trường Trung học cơ sở xã TG, huyện Thanh Chương. Nay ly hôn để đảm bảo sự ổn định và tâm lý cho con, chị nhất trí để con cho chồng trực tiếp nuôi dưỡng, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng tháng.

- Về chia tài sản chung: Chị Trần Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Văn T trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Văn T kết hôn với chị Trần Thị D vào ngày 18/3/2005 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn TC, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống và làm ăn tại nhà nội ở xóm Giang Thủy, xã TG, huyện Thanh Chương. Sau khi cưới vợ chồng sống tình cảm bình thường, cho đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do tính tính không hợp nhau, hay cãi nhau, không có tiếng nói chung, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, đến giữa năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng, nên chị Trần Thị D đã về ngoại sống và ly thân từ đó đến nay. Nay chị Trần Thị D xin ly hôn, anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên nhất trí ly hôn.

- Về trách nhiệm nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Thị Trà, sinh ngày 19/01/2006. Sau khi vợ chồng mâu thuẫn chị về bên ngoại, nên con do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh xin được nuôi con và yêu cầu chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng mỗi tháng.

- Về chia tài sản chung: Anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Trần Văn T; về con giao cháu Trần Thị Tr cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, kể từ tháng 6/2019 cho đến khi đủ 18 tuổi; về tài sản không xem xét; chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như việc xét xử, song anh Trần Văn T đều nhiều lần vắng mặt, nên Tòa án không thể công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn T đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét hợp lệ và có mặt tại phiên tòa.

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị D và anh Trần Văn T, được xác lập trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 18/3/2005 tại UBND Thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn hai người sinh sống tại nhà nội ở xóm Giang Thủy, xã TG, huyện Thanh Chương. Vợ chồng sống với nhau tình cảm bình thường, đến cuối năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, hay cãi nhau và điều kiện kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, nên đến giữa năm 2015 thì chị Trần Thị D về bên ngoại và sống ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để công khai chứng cứ và hòa giải, song anh Trần Văn T vắng mặt, còn chị Trần Thị D thì nhất quyết xin ly hôn, tại phiên tòa hôm nay anh Thịn cũng xét thấy tình cảm không còn, nên nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc xin ly hôn của chị Trần Thị D, là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Trần Văn T.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Hai người có một con chung tên là Trần Thị Tr, sinh ngày 19/01/2006, sau khi sống ly thân anh Trần Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, nay ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu chị Trần Thị D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy chị Trần Thị D cũng nhất trí để con cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng, cho nên cần thiết giao con cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị Trần Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 800.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Trần Văn T.

2. *Về trách nhiệm nuôi con*: Giao cháu Trần Thị Tr, sinh ngày 19/01/2006 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Trần Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Văn T, mỗi tháng 800.000 đồng (Tám trăm ngàn), kể từ tháng 6/2019 cho đến khi con thành niên đủ 18 tuổi.

Chị Trần Thị D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản chung*: Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị D, phải chịu: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí xin ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị Trần Thị D, được trừ đi 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0001525 ngày 16/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKS huyện Thanh Chương
- Chi cục THA dân sự
- Các đương sự
- UBND Thị trấn TC
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn